



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận	2900765728	ngày 25 tháng 9 năm 2006
Đăng ký Doanh nghiệp số	2900765728	ngày 11 tháng 5 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900765728 ngày 11 tháng 5 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Tiến Dũng Ông Hoàng Lâm Hòa Ông Ngô Quang Danh Ông Nguyễn Xuân Hải Ông Nguyễn Kim Hòa	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	--	--

Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thanh Thủy Bà Nguyễn Thị Huân Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Thành viên
----------------------	---	--

Ban Giám đốc	Ông Hoàng Lâm Hòa Ông Đặng An Hải Ông Trần Đức Sơn	Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc
---------------------	--	--

Trụ sở đăng ký	Số 54, Đường Phan Đăng Lưu Phường Trường Thi Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Nghệ An, ngày 8 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng muốn lưu ý người đọc tới Thuyết minh 3(j) của Báo cáo tài chính. Công ty áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 180”), quy định Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho các nhân viên đủ điều kiện. Quy định của Thông tư 180 có sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”). Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 180 được trình bày trong Thuyết minh 3(j).

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này kèm theo đoạn nhấn mạnh về sự khác biệt của chính sách kế toán liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc trong báo cáo kiểm toán ngày 15 tháng 3 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00314-19-2



Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		59.653.854.129	74.696.965.688
Tiền	110	5	3.014.388.211	8.042.649.206
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.992.285.795	9.321.335.089
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.555.023.139	7.101.112.080
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		373.052.616	2.004.086.398
Phải thu ngắn hạn khác	136		64.210.040	216.136.611
Hàng tồn kho	140	7	51.033.915.734	54.733.393.364
Hàng tồn kho	141		51.033.915.734	54.755.436.705
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(22.043.341)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.613.264.389	2.599.588.029
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		312.412.929	1.139.257.487
Thuế phải thu Nhà nước	153	11(b)	1.300.851.460	1.460.330.542
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		139.913.863.035	147.879.739.814
Tài sản cố định	220		89.241.319.091	91.086.446.695
Tài sản cố định hữu hình	221	8	89.241.319.091	91.086.446.695
Nguyên giá	222		415.500.335.029	410.232.367.643
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(326.259.015.938)	(319.145.920.948)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		239.900.000	239.900.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(239.900.000)	(239.900.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		177.029.954	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242		177.029.954	-
Tài sản dài hạn khác	260		50.495.513.990	56.793.293.119
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	50.495.513.990	56.793.293.119
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		199.567.717.164	222.576.705.502

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		50.353.336.863	71.282.183.871
Nợ ngắn hạn	310		45.396.765.421	66.255.150.299
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	10.310.164.438	11.180.071.388
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		950.855.000	1.360.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	11(a)	11.154.037.459	18.327.993.156
Phải trả người lao động	314		3.371.327.236	5.440.078.547
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	4.411.269.481	2.650.482.254
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.133.309.080	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	7.469.136.549	13.645.011.652
Vay ngắn hạn	320	14	6.500.000.000	15.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15	96.666.178	10.153.302
Nợ dài hạn	330		4.956.571.442	5.027.033.572
Phải trả dài hạn khác	337		267.300.000	750.200.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	4.689.271.442	4.276.833.572

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

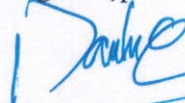
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		149.214.380.301	151.294.521.631
Vốn chủ sở hữu	410	17	149.176.980.301	151.257.121.631
Vốn cổ phần	411	18	105.000.000.000	105.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.000.000.000	105.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.390.909.325	7.390.909.325
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	21.774.479.829	21.774.479.829
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.500.000.000	10.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.511.591.147	6.591.732.477
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		268.633.178	1.129.746.497
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.242.957.969	5.461.985.980
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		37.400.000	37.400.000
Nguồn kinh phí	431		37.400.000	37.400.000
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		199.567.717.164	222.576.705.502

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Ngô Quang Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	270.322.193.237	289.339.123.797
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	4.340.754.737	4.368.610.641
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 – 02)	10	22	265.981.438.500	284.970.513.156
Giá vốn hàng bán	11	23	225.476.941.582	239.719.262.206
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		40.504.496.918	45.251.250.950
Doanh thu hoạt động tài chính	21		17.470.216	223.831.176
Chi phí tài chính	22		860.356.940	778.218.601
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		859.012.959	778.188.492
Chi phí bán hàng	25	24	16.192.948.572	18.011.587.881
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	18.284.640.101	18.786.735.181
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		5.184.021.521	7.898.540.463
Thu nhập khác	31		629.158.619	757.381.615
Chi phí khác	32		156.162.059	398.284.393
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		472.996.560	359.097.222

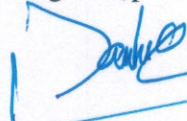
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.657.018.081	8.257.637.685
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	778.308.665	1.501.853.732
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	412.437.870	293.797.976
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.466.271.546	6.461.985.977
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	404	520

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Ngô Quang Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	5.657.018.081	8.257.637.685
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	9.639.359.754	9.238.947.210
Hoàn nhập các khoản dự phòng	03	(22.043.341)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	30.109
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(127.936.487)	(196.846.778)
Chi phí lãi vay	06	859.012.959	778.188.492
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	16.005.410.966	18.077.956.718
Biến động các khoản phải thu	09	5.834.829.228	482.321.286
Biến động hàng tồn kho	10	3.721.520.971	(8.447.874.372)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(7.406.241.535)	(2.404.995.053)
Biến động chi phí trả trước	12	7.124.623.687	5.371.305.505
		25.280.143.317	13.078.714.084
Tiền lãi vay đã trả	14	(859.012.959)	(746.956.977)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	619.348.316	(1.818.450.031)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(159.900.000)	(2.303.948.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.880.578.674	8.209.359.076
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(8.317.562.956)	(10.737.912.872)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	110.783.636	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	17.152.851	221.813.435
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.189.626.469)	(10.516.099.437)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

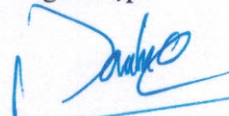
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	51.327.178.520	46.263.234.929
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(59.827.178.520)	(70.925.829.305)
Tiền chi trả cổ tức	36	(13.219.213.200)	(7.574.521.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.719.213.200)	(32.237.116.176)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(5.028.260.995)	(34.543.856.537)
Tiền đầu năm	60	8.042.649.206	42.586.535.852
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(30.109)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	3.014.388.211	8.042.649.206

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Ngô Quang Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Hoàng Lâm Hòa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm bia, cồn, rượu, nước giải khát; lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất bia; và mua bán các loại nguyên, nhiên vật liệu phục vụ ngành bia và nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 261 nhân viên (1/1/2018: 260 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Thùng inox

Thùng inox là dụng cụ được Công ty sử dụng trong quá trình sản xuất bia và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Thùng inox được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí nâng cấp

Chi phí nâng cấp tài sản cố định phản ánh các chi phí sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không đủ điều kiện để ghi nhận vào nguyên giá tài sản cố định. Chi phí nâng cấp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iv) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 6 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 180”), quy định Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho các nhân viên đủ điều kiện. Quy định của Thông tư 180 có sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”). Chuẩn mực này yêu cầu khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

Nếu Công ty áp dụng VAS 18, ước tính khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 10.480.989.000 VND (1/1/2018: 10.487.723.500 VND). Nợ dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ tăng và giảm một khoản tương ứng là 10.480.989.000 VND (1/1/2018: 10.487.723.500 VND); và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ tăng 6.734.500 VND (2017: tăng 922.687.500 VND).

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán bia. Hoạt động khác bao gồm cung cấp dịch vụ lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất bia; và mua bán các loại nguyên, nhiên liệu phục vụ ngành bia và nước giải khát. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.458.963.983	2.916.097.403
Tiền gửi ngân hàng	1.555.424.228	5.126.551.803
	<hr/>	<hr/>
	3.014.388.211	8.042.649.206
	<hr/>	<hr/>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	3.377.627.770	6.992.501.010
Các khách hàng khác	177.395.369	108.611.070
	<hr/>	<hr/>
	3.555.023.139	7.101.112.080
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	3.377.627.770	6.992.501.010

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	33.630.294.193	-	35.973.795.344	-
Công cụ và dụng cụ	4.122.245.096	-	6.507.612.852	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	7.505.439.611	-	10.313.014.986	-
Thành phẩm	5.775.936.834	-	1.961.013.523	(22.043.341)
	51.033.915.734	-	54.755.436.705	(22.043.341)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	22.043.341	22.043.341
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(22.043.341)	-
	-	22.043.341

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	32.577.793.867	362.955.039.712	11.485.766.706	3.213.767.358	410.232.367.643
Tăng trong năm	275.460.000	4.301.186.698	72.727.273	-	4.649.373.971
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.144.858.179	-	-	-	3.144.858.179
Thanh lý	-	(1.461.380.915)	(1.064.883.849)	-	(2.526.264.764)
Số dư cuối năm	35.998.112.046	365.794.845.495	10.493.610.130	3.213.767.358	415.500.335.029
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	25.814.869.905	281.499.114.180	8.844.684.830	2.987.252.033	319.145.920.948
Khấu hao trong năm	872.652.284	8.263.671.327	434.384.059	68.652.084	9.639.359.754
Thanh lý	-	(1.461.380.915)	(1.064.883.849)	-	(2.526.264.764)
Phân loại lại	-	13.847.934	(21)	(13.847.913)	-
Số dư cuối năm	26.687.522.189	288.315.252.526	8.214.185.019	3.042.056.204	326.259.015.938
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	6.762.923.962	81.455.925.532	2.641.081.876	226.515.325	91.086.446.695
Số dư cuối năm	9.310.589.857	77.479.592.969	2.279.425.111	171.711.154	89.241.319.091

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 267.248 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 269.053 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Chi phí trả trước dài hạn**

	Thùng inox VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí nâng cấp VND	Bao bì luân chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	27.181.118.962	11.777.026.485	9.428.771.257	8.406.376.415	56.793.293.119
Tăng trong năm	-	10.269.653.783	4.367.843.635	2.823.360.680	17.460.858.098
Phân bổ trong năm	(4.038.467.714)	(11.523.539.541)	(3.506.316.478)	(4.545.913.668)	(23.614.237.401)
Thanh lý	-	-	-	(144.399.826)	(144.399.826)
Số dư cuối năm	23.142.651.248	10.523.140.727	10.290.298.414	6.539.423.601	50.495.513.990

10. Phải trả người bán ngắn hạn**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	2.840.306.460	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	1.827.681.092	548.776.663
Công ty TNHH Bao bì Nước Giải khát Crown Đà Nẵng	1.450.155.959	2.071.170.843
Công ty Cổ phần Bao Bì Sabeco Sông Lam	387.924.900	1.840.817.128
Các nhà cung cấp khác	3.804.096.027	6.719.306.754
Tổng cộng	10.310.164.438	11.180.071.388

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty mẹ		
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	2.840.306.460	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bao Bì Sabeco Sông Lam	387.924.900	1.840.817.128
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco	180.583.999	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	15.345.000	30.690.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	47.291.608	47.291.608
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	62.622.476	373.265.469

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.498.095.658	47.631.612.010	(48.146.697.984)	983.009.684
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.156.001	381.761.930	(382.917.931)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	778.308.665	(778.308.665)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	16.624.101.768	208.977.327.515	(215.443.783.447)	10.157.645.836
Thuế thu nhập cá nhân	201.894.369	727.748.583	(926.795.333)	2.847.619
Thuế tài nguyên	2.745.360	183.311.040	(175.522.080)	10.534.320
	18.327.993.156	258.680.069.743	(265.854.025.440)	11.154.037.459

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.459.811.809	619.348.316	(778.308.665)	1.300.851.460
Thuế nhập khẩu	518.733	172.193.880	(172.712.613)	-
	1.460.330.542	791.542.196	(951.021.278)	1.300.851.460

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng và khuyến mãi	4.013.323.054	2.076.854.562
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	136.384.361	268.425.998
Chi phí khác	261.562.066	305.201.694
	4.411.269.481	2.650.482.254

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.161.147.800	4.532.857.800
Cổ tức phải trả	1.775.934.650	8.695.147.850
Phải trả ngắn hạn khác	532.054.099	417.006.002
	7.469.136.549	13.645.011.652

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Vay ngắn hạn

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2018 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	15.000.000.000	51.327.178.520	(59.827.178.520)	6.500.000.000

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh có hạn mức tín dụng 50.000 triệu VND và chịu lãi theo lãi suất từ 6,2% đến 6,7% một năm (2017: 5% đến 5,3% một năm). Các khoản vay này bằng VND và không có đảm bảo.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	10.153.302	(1.469.308.064)
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	246.412.876	3.783.409.366
Sử dụng trong năm	(159.900.000)	(2.303.948.000)
Số dư cuối năm	96.666.178	10.153.302

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Chi phí phải trả và doanh thu chưa thực hiện	302.591.101	114.725.538
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Phân bổ bình inox	(4.991.862.543)	(4.391.559.110)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(4.689.271.442)	(4.276.833.572)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	105.000.000.000	7.390.909.325	21.774.479.829	10.500.000.000	16.513.155.866	161.178.545.020
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	6.461.985.977	6.461.985.977
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	-	-	(3.783.409.366)	(3.783.409.366)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	105.000.000.000	7.390.909.325	21.774.479.829	10.500.000.000	6.591.732.477	151.257.121.631
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.466.271.546	4.466.271.546
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(6.300.000.000)	(6.300.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	-	-	(246.412.876)	(246.412.876)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	105.000.000.000	7.390.909.325	21.774.479.829	10.500.000.000	4.511.591.147	149.176.980.301

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018 và 1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.500.000	105.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.500.000	105.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

19. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 29 tháng 6 năm 2018, Đại Hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 6.300 triệu VND (tương đương 600 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 (2017: 12.600 triệu VND, tương đương 1.200 VND/cổ phiếu).

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.751.762.167	1.753.221.600
Từ hai đến năm năm	5.577.471.566	7.012.886.400
Sau năm năm	9.507.355.735	8.316.194.400
	16.836.589.468	17.082.302.400
	16.836.589.468	17.082.302.400

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Ngoại tệ				
▪ USD	232	5.374.269	245	5.620.029
▪ EUR	298	7.825.753	307	9.201.662
		13.200.022		14.821.691
		13.200.022		14.821.691

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt

	2018	2017
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	264.497.945.999	283.521.467.708
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	471.648.709.168	503.757.020.926
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(207.150.763.169)	(220.235.553.218)
▪ Doanh thu khác	5.824.247.238	5.817.656.089
	270.322.193.237	289.339.123.797
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	4.340.754.737	4.368.610.641
	265.981.438.500	284.970.513.156

23. Giá vốn hàng bán

	2018	2017
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	224.124.914.454	237.836.289.382
▪ Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	(22.043.341)	-
▪ Giá vốn khác	1.374.070.469	1.882.972.824
	225.476.941.582	239.719.262.206

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	6.291.606.893	6.929.255.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.517.995.817	3.026.858.742
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.765.167.776	4.411.971.459
Chi phí khấu hao	1.043.391.440	1.055.815.956
Chi phí bán hàng khác	3.574.786.646	2.587.686.079
	16.192.948.572	18.011.587.881

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	7.827.318.938	8.451.682.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.182.251.029	2.887.445.762
Chi phí thuê đất	1.751.761.533	1.753.221.600
Chi phí vật liệu văn phòng	1.011.835.407	1.361.208.666
Chi phí khấu hao	399.042.979	500.608.450
Thuế, phí và lệ phí	53.903.130	53.903.130
Chi phí quản lý khác	5.058.527.085	3.778.665.101
	18.284.640.101	18.786.735.181

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	145.164.232.964	170.188.410.476
Chi phí nhân công và nhân viên	38.116.987.034	41.738.732.688
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.639.359.754	9.238.947.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.114.679.243	11.136.677.636
Chi phí khác	49.926.619.195	42.899.336.864

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	778.308.665	1.501.853.732
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	412.437.870	293.797.976
	1.190.746.535	1.795.651.708
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.190.746.535	1.795.651.708

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.657.018.081	8.257.637.685
Thuế theo thuế suất của Công ty	1.131.403.616	1.651.527.537
Chi phí không được khấu trừ thuế	59.342.919	144.124.171
	1.190.746.535	1.795.651.708

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	4.466.271.546	6.461.985.977
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(223.313.577)	(1.000.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>4.242.957.969</u>	<u>5.461.985.977</u>

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 10.500.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2018	2017
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán hàng hóa (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	251.032.045.190	295.277.965.820
Mua hàng hóa và dịch vụ	48.818.150.211	53.345.333.862
Cổ tức	3.448.200.000	6.896.400.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco		
Mua hàng hóa và dịch vụ	327.754.998	15.638.750
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	207.700.000	217.310.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.642.090.909
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	40.454.545
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.172.243.740	767.312.400
Công ty TNHH MTV Thương Mại Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa và dịch vụ	835.398.089	753.332.244
Công ty Cổ phần Bao Bì Sabeco Sông Lam		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.923.862.548	4.717.434.694
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.100.000.000	2.344.500.000

